

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 200/2013/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài

Căn cứ Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí lãnh sự áp dụng tại các Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài như sau:

Điều 1. Mức thu

1. Sửa đổi, bổ sung mục III phần A Biểu mức thu phí và lệ phí lãnh sự ban hành kèm theo Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính như sau:

STT	Tên lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
III	Thị thực các loại		
1	Loại có giá trị nhập cảnh, nhập xuất cảnh, quá cảnh 01 lần	Chiếc	45 USD
2	Loại có giá trị nhập xuất cảnh nhiều lần		
a)	Loại có giá trị dưới 01 tháng	Chiếc	65 USD
b)	Loại có giá trị từ 01 tháng đến dưới 06 tháng	Chiếc	95 USD
c)	Loại có giá trị từ 06 tháng đến 01 năm	Chiếc	135 USD
3	Chuyển thị thực còn giá trị từ hộ chiếu cũ sang hộ chiếu mới	Chiếc	15 USD
4	Chuyển đổi thị thực		
a)	Từ 01 lần thành nhiều lần, trong thời hạn thị thực gốc		
	- Có giá trị dưới 06 tháng	Chiếc	25 USD
	- Có giá trị từ 06 tháng trở lên	Chiếc	75 USD
b)	Từ một lần thành nhiều lần, vượt quá thời hạn thị thực gốc		
	- Có giá trị dưới 06 tháng	Chiếc	50 USD
	- Có giá trị từ 06 tháng trở lên	Chiếc	100 USD
5	Sửa đổi, bổ sung các nội dung khác đã ghi trong thị thực	Chiếc	10 USD

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Thông tư số 236/2009/TT-BTC ngày 15/12/2009 của Bộ Tài chính như sau:

a) Người đứng đầu Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm xem xét, quyết định lựa chọn ngân hàng có uy tín để mở tài khoản của Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phục vụ hoạt động của Cơ quan đại diện, đảm bảo an toàn tiền gửi Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

b) Bộ Ngoại giao chỉ đạo các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài tổ chức thực hiện hạch toán kế toán khoản thu phí, lệ phí lãnh sự; khi phát sinh thu, nộp 70% (bảy mươi phần trăm) số tiền phí, lệ phí lãnh sự vào Quỹ tạm giữ ngân sách nhà nước tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.